TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **668/**2017/HNGĐ-ST,
Ngày: 11/9/2017,
Về việc ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Nam Hải,

- *Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Đặng Bích Thuận,

2. Bà Võ Thị Xuân Đào.

- *Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa:* ông Nguyễn Huy Hùng, Thư ký Toà án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*: bà Nguyễn Thị Dịu Thùy – Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 9 năm 2017 tại Phòng xử án dân sự trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 542/2017/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2017, về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 380/2017/QĐXX-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* ông Trương P, sinh năm: X; địa chỉ: L, Phường X, Quận S, TP. HCM; địa chỉ liên lạc: T, Phường A, Quận K, TP. HCM(có mặt tại phiên tòa).

- *Bị đơn*: bà Nguyễn Thị Hồng H, sinh năm: Y; địa chỉ: L, Phường X, Quận S, TP. HCM (có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn yêu cầu ly hôn và lời khai của nguyên đơn tại phiên tòa, nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn ông P và bị đơn bà H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1982, có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống, giữa nguyên đơn và bị đơn có hai con chung là anh Trương Anh K, nam, sinh ngày 24/5/1983 và anh Trương Hoàng H, sinh ngày 27/4/1990 (đều đã thành niên).

Sau khi đăng ký kết hôn, nguyên đơn và bị đơn chung sống, quan hệ vợ chồng hạnh phúc, nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn và bất đồng ý kiến trên nhiều lĩnh vực. Nay nguyên đơn tự nhận thấy cuộc hôn nhân không đạt mục đích, xác định tình cảm không

còn, yêu cầu Tòa án giải quyết: được ly hôn với bà Nguyễn Thị Hồng H; tài sản chung: tự thỏa thuận giải quyết, nợ chung: không có.

* Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng H trình bày: không đồng ý ly hôn, ông P khi về nhà thường sử dụng điện thoại di động chát với các người phụ nữ, khi tôi phát hiện yêu cầu cho tôi xem điện thoại thì ông P giả bộ chở tôi đi lòng vòng rồi bất ngờ vất điện thoại này xuống sông, về mâu thuẫn vợ chồng như ông P trình bày, nếu có ông P phải đưa ra tài liệu chứng cứ chứng minh.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn không đồng ý ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục tố tụng: việc xác minh, thu thập chứng cứ, thực hiện thủ tục tống đạt các loại văn bản tố tụng và xét xử của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký được thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

+ Về nội dung vụ án: qua kết quả phần thủ tục hỏi, phần tranh luận tại phiên tòa, việc thu thập, thẩm tra, xem xét chứng cứ của Hội đồng xét xử là đầy đủ, rõ ràng; yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

PHẦN NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

Hình thức, nội dung đơn yêu cầu ly hôn của ông Trương P thực hiện đúng quy định tại Điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét, ông Trương P và bà Nguyễn Thị Hồng H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1982, đăng ký kết hôn theo giấy công nhận kết hôn số 278, đăng ký tại Ủy ban nhân dân Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 21/4/1982; hiện nay bị đơn cư trú tại Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, nên yêu cầu ly hôn của nguyên đơn trong vụ án này thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng H, không có yêu cầu phản tố.

2. Về nội dung vụ án:

Hội đồng xét xử xét nguyên nhân mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa ông P và bà Nguyễn Thị Hồng H, theo ông Trương P trình bày:

Ông P và bà Nguyễn Thị Hồng H có quan hệ hôn nhân hợp pháp, theo trình bày của nguyên đơn thì hôn nhân chỉ hạnh phúc được thời gian đầu, nhưng sau đó hai bên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, mục đích hôn nhân không đạt. Cụ thể về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là:

Bà H có nhiều hành vi gây mất danh dự, uy tín của ông P đối với đối tác kinh doanh, bà con họ hàng và bạn bè; bà H thường ghen tuông vô cớ, khi ông P gặp gỡ khách hàng thì vu khống ông P ngoại tình, đe dọa khách hàng không được gặp mặt ông P, làm ông P bị ảnh hưởng uy tín, danh dự; việc đối xử của bà H với gia đình bên ông P không tốt làm ông P bị gia đình xem thường;

Vào tháng 6/2016 bà H tự ý bỏ nhà ra đi, chuyển đến sinh sống tại chung cư L, Quận N, ông P có khuyên nhủ nhưng không về, nên từ tháng 6/2016 đến tháng 02/2017 ông P phải chu cấp cho bà H mỗi tháng 10.000.000 đồng. Đồng thời bà H tự mở quán cơm chay tại đường Đ, Phường R, Quận N, hoạt động được 3 tháng thì ông P phải thanh toán toàn bộ chi phí cho bà H số tiền 200.000.000 đồng;

Từ tháng 02/2017 đến tháng 8/2017, ông P tiếp tục phải chu cấp cho bà H mỗi tháng 15.000.000 đồng;

Trong thời gian bà H bỏ nhà đi, nói với ông P là bị bệnh, cần tiền qua Singapore chữa bệnh, ông P phải vay mượn đưa bà H số tiền là 850.000.000 đồng. Sau đó ông P có hỏi bà H về bệnh tật, chi phí, biên lai đóng viện phí và các chi phí khác, nhưng bà H không đưa ra được;

Sau khi được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án hôn nhân và gia đình, bà H mới về nhà tại số L, Phường X, Quận S, TP. HCM;

Theo ông P trình bày, những việc làm của bà H làm ông P rất đau buồn: đầu tiên bà H không tôn trọng chồng, không tôn trọng tình cảm vợ chồng, tự ý bỏ mặc chồng con, ra ngoài sinh sống trong thời gian dài; suốt thời gian dài này, bà H quan hệ với ai, làm gì ông P không biết; sau đó giả bệnh lừa dối chồng con để lấy tiền phục vụ mục đích riêng của bà H; mặc dù không còn tình cảm vợ chồng, ông P vẫn chu cấp tiền bạc đầy đủ cho bà H, làm tròn trách nhiệm của người chồng trong gia đình nhưng bà H luôn xem thường, bác bỏ. Với tư cách là người đàn ông, là trụ cột kinh tế trong gia đình, ông P không thể và không còn yêu thương người phụ nữ luôn tìm cách lừa dối, bội bạc, phủ nhận những đóng góp của ông P để xây dựng gia đình. Việc bà H tự ý bỏ nhà ra ngoài sinh sống là giọt nước tràn ly, làm rạn nứt nghiêm trọng tình cảm vợ chồng.

Hiện tại ông P không còn tình cảm gì với bà H, ông P đã ra ngoài sinh sống vì quá chán nản, bị khủng bố tinh thần, bị người thân lừa gạt, bản thân ông P mong muốn chấm dứt cuộc hôn nhân đối với bà H.

Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng H , không đồng ý ly hôn vì còn yêu thương chồng.

Hội đồng xét xử xét, về nguyên nhân mâu thuẫn vợ - chồng giữa nguyên đơn và bị đơn: qua kết quả tranh tụng tại phiên tòa giữa nguyên đơn và bị đơn, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng thường xuyên xảy ra, do hai bên bất đồng quan điểm sống; ông P là lao động chính trong gia đình, thường xuyên đi gặp gỡ, trao đổi với khách hàng, nhưng bản thân bà

H hay ghen tuông vô cớ, dẫn đến việc ông P mất uy tín với khách hàng, do bà H có những lời nói, cử chỉ không đúng, làm xúc phạm danh dự, uy tín của ông P.

Việc ông P trình bày, ông P phải chu cấp hàng tháng cho bà H, thanh toán chi phí cho việc bà H mở quán cơm, chi phí cho việc bà H chữa bệnh là có thật, theo xác nhận của bà H tại phiên tòa; như vậy, nguyên đơn và bị đơn trình bày thống nhất nhau về mâu thuẫn giữa nguyên đơn và bị đơn.

Hội đồng xét xử xét, hai bên không hòa hợp vì lối sống cách biệt, tình cảm vợ chồng giữa hai bên dần mất đi, mỗi khi có mâu thuẫn vợ chồng thì, hoặc bà H bỏ nhà đi, hoặc ông P bỏ nhà đi, thể hiện hai bên không còn khả năng tự hòa giải đoàn tụ; từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến nay, đã tổ chức hai phiên hòa giải nhưng ông P vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn bà H, bà H không có phương án hay cách thức tự hòa giải đoàn tụ; mỗi khi ông P và bà H ngồi lại trao đổi với nhau để hòa giải về mâu thuẫn vợ chồng, hoặc khi Tòa án tổ chức hòa giải thì bà H chỉ trình bày "còn yêu thương chồng, không đồng ý ly hôn" và luôn yêu cầu ông P phải đưa ra chứng cứ. Hiện nay mặc dù ông P đã quay về nhà sinh sống, theo ông P trình bày là để quản lý chăm sóc nhà cửa, các con; theo bà H khai, ông P về nhưng ở riêng nhà khác kế bên, mỗi người ở một căn, ông P và bà H tự ăn uống riêng. Như vậy, ông P và bà H không còn cùng chung sống một nhà, hai bên không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau.

Về mâu thuẫn vợ chồng, khi hai bên tự ngồi lại với nhau để hòa giải thì mỗi bên phải tự nhận ra điểm chưa hoàn thiện, chưa đúng của mình để tự sửa chữa, để hòa hợp quan hệ vợ chồng; tuy nhiên, mỗi lần tự hòa giải thì bà H không thừa nhận sai sót của mình, không có thiện chí hòa giải mâu thuẫn vợ chồng theo hướng tiến bộ, mà ngược lại lại yêu cầu ông P phải đưa ra chứng cứ chứng minh lỗi lầm của bà H. Hội đồng xét xử xét, trong quan hệ vợ chồng, mỗi khi hai bên trao đổi, góp ý nhau, thì trước hết mỗi bên phải tự rút kinh nghiệm, tự hoàn thiện bản thân để quan hệ vợ chồng ngày càng tốt đẹp hơn… trong việc này không cần phải có chứng cứ để chứng minh mâu thuẫn như ý kiến của bà H được, vì việc xử lý mâu thuẫn vợ chồng thì mỗi gia đình là có khác nhau, có gia đình lớn tiếng gây cãi nhau mất trật tự khu phố, thậm chí có gia đình còn có hành vi bạo hành gia đình lẫn nhau; nhưng cũng có gia đình xử sự theo cách việc ai người nấy làm, mỗi người tự ăn tự uống, không nói chuyện với nhau, mỗi người tự sống theo cách của mình vì sợ con cái biết, hoặc sợ hàng xóm, sợ bà con gia đình biết chuyện.

Ngoài ra, tại phiên tòa bà H trình bày: khi bà H bị bệnh, yêu cầu ông P đến bệnh viện ký giấy giải phẫu, ông P không đến, cho rằng bà H nói không đúng; ông P cũng chưa lần nào đưa bà H đi khám, chữa bệnh. Việc này thể hiện ông P chưa làm tròn trách nhiệm của người chồng, chưa có sự quan tâm đến bà H. Như vậy, Hội đồng xét xử xét ông P cũng có lỗi trong việc dẫn đến mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân, không phải là người chồng, người cha có đầy đủ trách nhiệm như trình bày của ông P; tuy nhiên, việc này cũng chứng minh giữa ông P, bà H không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau.

Trong quá trình chung sống vợ chồng, giữa ông P và bà H thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, thể hiện mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, ông P xác định hiện không còn tình cảm vợ - chồng với bà H và kiên quyết yêu cầu được ly hôn để ổn định cuộc sống; do vậy trường hợp của ông P và bà H được ly hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ con chung: căn cứ lời khai thống nhất của ông Trương P, bà Nguyễn Thị Hồng H cùng với các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được Tòa án thu thập, thể hiện, trong quá trình chung sống, giữa bà H và ông P có hai con chung là anh Trương Anh K, nam, sinh ngày 24/5/1983 và anh Trương Hoàng Hưng, sinh ngày 27/4/1990 (đều đã thành niên).

Về tài sản chung: ông Trương P và bà bà Nguyễn Thị Hồng H tự thỏa thuận giải quyết.

Về nợ chung: ông Trương P và bà bà Nguyễn Thị Hồng H tự khai không có.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng: ông P phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng do ông P đã tạm nộp.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: khỏan 1 Điều 28, điểm a khỏan 1 Điều 35, điểm a khỏan 1 Điều 39, các Điều 144, 147, 189, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình; tiểu mục II.1.1 Mục A Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam,

Chấp nhận yêu cầu của ông Trương P.

1. Về quan hệ hôn nhân: ông Trương P được ly hôn với bà bà Nguyễn Thị Hồng H.

2. Về quan hệ con chung: ông Trương P và bà Nguyễn Thị Hồng H có con hai chung là anh Trương Anh K, nam, sinh ngày 24/5/1983 và anh Trương Hoàng H, sinh ngày 27/4/1990 (đều đã thành niên).

3. Về tài sản chung: ông Trương P và bà Nguyễn Thị Hồng H tự thỏa thuận giải quyết.

4. Về nợ chung: ông Trương P và bà Nguyễn Thị Hồng H tự khai không có, nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), ông Trương P phải chịu, được trừ vào tiền tạm ứng án phí do ông Trương P đã tạm nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0027906, ngày 19 tháng 7 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp đủ.

6. Quyền kháng cáo: ông Trương P, bà Nguyễn Thị Hồng H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

7. Giấy công nhận kết hôn số 278, đăng ký tại Ủy ban nhân dân Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 21/4/1982, không còn giá trị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 và 26 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :
- Tòa án nhân dân Tp. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 6;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6;
- Ủy ban nhân dân Quận S,
Thành phố Hồ Chí Minh (để biết);
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu Văn phòng, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Nam Hải